

Wasou
DS522
V651
n.s.
no. 58-61
1761

#58-61
Jan/Feb - June 1961

VĂN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

MỤC-LỤC TRÍCH-YẾU

- ☆ Ngày xuân nói chuyện hoa lan BÙU CẨM
- ★ Năm Sửu nói chuyện trâu NGUYỄN-CÔNG-HUÂN
- ☆ Theo dấu Bùi-Hữu-Nghĩa TÂN-VIỆT-ĐIỀU
- ★ Làng bước (Thơ) ĐOÀN-THÊM
- ☆ Tính-cách và tâm-lý nhân-vật
truyện Kiều PHẠM VĂN ĐIỀU
- ★ Trương-minh-Giảng NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM
- ☆ Thơ gửi các đồng-chí trong nước TU-TRAI
(của Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền) chú-giải
- ★ Niên-lịch Tân-Sửu từ đời
Hồng-Bàng tới nay. TRẦN-CÔNG-CHÍNH
- ☆ Nhớ (Thơ) BÙI-KHÁNH-ĐẢN
- ★ Khoa Ngữ-học ở Hoa-Kỳ NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
- ☆ Đêm giao-thùm quán Văn-nghệ (Thơ) Á-NAM
- ★ Nhịp sống TAM CHI

VÀ CÁC MỤC THƯỜNG-XUYỀN

Xem mục-lục đầy-đủ nơi trang trong

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

LOẠI MỚI - SỐ 58 XUÂN TÂN-SỬU

Jan/Feb 1961

VĂN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG
LOẠI MỚI - SỐ 58 THÁNG 1 VÀ 2 NĂM 1961

MỤC-LỤC

I. - VĂN.HÓA VIỆT-NAM

		Số trang
- Ngày xuân nói chuyện hoa lan	BÙU CẦM	1
- Năm Sứu nói chuyện trâu.	NGUYỄN-CÔNG-HUẤN	7
- Theo dấu Bùi-Hữu-Nghĩa (1807-1872).	TÂN-VIỆT-ĐIỀU	19
- Những năm Sứu trong lịch-sử Việt-Nam.	TRƯƠNG-BÁ-PHÁT	37
- Định-mệnh con Người (tiếp theo).	NGUYỄN-MẠNH-BẢO	48
- Thơ gửi đồng-chí trong nước (của Mai-Sơn)	TU-TRAI chú-giải	57
- Lòng bước - Vơ vẩn	ĐOÀN-THÊM	61
- Tính-cách và Tâm-lý nhân-vật truyện Kiều	PHẠM VĂN ĐIỀU	64
- Trương-Minh-Giăng.	NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM	78
- Vài nhận-xét về quần-đảo Tây-Sa.	THÊM-VĂN-ĐẮT và TRẦN-VĂN-THƯỜNG	83
- Niên-lịch Tân-Sứu từ đời Hồng-Bàng tới nay.	TRẦN-CÔNG-CHÍNH	86
- Vài nhận xét về cách bài-trí trong các chùa Việt-Nam	ĐỨC-HÒA	93
- Nhịp sống	TAM-CHI	104
- Thi-ca :		
- Tân-Sứu xuân hi-tác.	Á-NAM	1
- Đêm giao-thừa quán Văn-nghệ	Á-NAM	11
- Mừng Xuân mới.	TRỌNG-HỮU	109

— Xuân Tân-Sửu nhân bạn	MINH-NÔNG	110
— Di-cử cảm-hoài	ĐẠM-NGUYỄN	111
— Hoa Xuân.	ĐÔNG-XUYỀN	111
— Thơ năm mới.	BÁI-ĐÌNH và TRINH-XUYỀN	112
— Xuân về nhủ bạn	HỒNG-THIÊN	113
— Xuân về cảm-tác	VÂN-CHUNG	113
— Mừng Xuân	PHẠM-XUÂN-ĐỘ	114
— Cảm Xuân.	DƯƠNG-THIỆU-CƯƠNG	114
— Mừng Xuân Tân-Sửu.	LẠC-THIÊN	115
— Dao (<i>Thơ Việt và bản dịch Anh-văn</i>).	VŨ-ĐỨC-TRINH	116
— Nhớ.	BÙI-KHÁNH-ĐÀN	118
— Mừng Xuân	HỒNG-THIÊN	119
— Vịnh tràng pháo	TRỌNG-QUỲNH	120
— Vịnh con trâu.	TRỌNG-QUỲNH	120
— Mừng Đại-hội Cựu học-sinh trường Vinh.	NGUYỄN-THỌ-DỰC	121

II — VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

— Tìm hiểu những địa-danh của Mỹ-Quốc.	BAO-LA cư-sĩ	122
— Phương-pháp giáo-dục và tuyên- huấn người tráng-niên.	NGUYỄN-MINH-CHÂU dịch-thuật	131
— Khoa ngữ-học ở Hoa-kỳ (<i>Tiếp theo</i>).	NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA	137
— Tài chịu rét của loài vật.	VŨ-LANG	145
— Những ông hàng xóm.	THANH-TÂM	150
— Bảng kê một số danh-từ viết tắt.		161

III. — TIN-TỨC VĂN-HÓA

— Tin trong nước	163
— Tin ngoài nước	170

TRANH ẢNH TRONG SỔ NÀY

- Con trâu và khóm trúc
- Kéo vó trên sông Hương
- Tượng Đức Thích-ca thuyết pháp
- Tượng Đức Bồ-Tát Quán-Thế-Âm

恭
祝
新
年



TÂN-SỬU XUÂN HI TÁC

Dầu vắng đảo nhưng đã có mai,
Gió đông hoa cỏ cũng đua cười.
Giang-san dù cảm chia đôi đất,
Văn-hóa mong soi rạng một giờ.
Tỷ hết gian-chuân sang Sửu tốt.
Đông thôi tàn-tạ lại Xuân vui.
Đồng-bào tri-kỷ ai đâu tá ?
Mừng cảnh tân-niên chúc chén mời.

Viết tại trại Di-Cư Bình-Thới
Đầu tháng Giêng Tân-Sửu (1961)
Á-NAM

107

ĐÊM GIAO-THỪA QUÁN VĂN-NGHỆ

Giao-thừa quán Văn-ngệ,
Xum-hợp đủ tình quê.
Đưa chị Canh-Tý tềch,
Đón em Tân-Sửu về.
Bắc Trung Nam gặp gỡ,
Trời Đất Người thỏa thuê.
Cùng nhau ngôm múa hát,
Cùng nâng chén say li.

☆

Anh em họp mặt mỗi khi,
Gặp xuân ta hãy kịp thì vui xuân.
Vui cho vang động xa gần,
Vui cho nghệ-thuật tinh-thần khác xưa.
Rời đây thuận nắng hòa mưa,
Quán Văn-ngệ đó ta chờ đợi nhau.
Nước non xa lạ gì đâu,
Xuân này lại đến xuân sau liền liền.
Còn nhiều hạnh-phúc triển miên,
Văn-chương nghệ-thuật tơ duyên còn dài.
Đặng ai rằng chớ quên ai,
Quán Văn-ngệ đó là nơi hẹn hò.
Nâng chén hoan hô . . .

TRẦN-CÔNG-CHÍNH

Đêm Giao-Thừa Tân-Sửu (1961)

— II —



NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN HOA LAN

Giáo-sư *Bieu Cầm*

Phụ-trách giảng-khoa Việt-Hán
Trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

LAN là một thứ cỏ thơm (*Thuyết-văn 說文*).

Lan có tên thủy-hương 水香, tục gọi yển-vĩ-hương 燕尾香. Lại có tên là hương-thủy-lan 香水蘭, lá xanh tốt cả bốn mùa, hoa màu vàng, thơm về mùa xuân gọi là xuân-lan 春蘭, thơm về mùa thu gọi là thu-lan 秋蘭 (*Bản-thảo 本草*).

Lan-sơn 蘭山 tại Tư-châu 兗州 (Tứ-xuyên 四川), ở đó lan mọc trong rừng sâu và có nhiều giống: xuân-lan 春蘭, thu-lan 秋蘭, sùng-lan 崇蘭, phượng-vĩ-lan 鳳尾蘭, trúc-lan 竹蘭, thạch-lan 石蘭; hoa xuân-lan nở dưới lá, hoa sùng-lan nở trên lá (*Đồ-Kinh 圖經*).

Lan có mấy giống: lan-thảo 蘭草 và trạch-lan 澤蘭 mọc nơi hồ nước, u-lan 幽蘭 mọc ở miền núi, lan-hoa 蘭花 cũng mọc chốn núi rừng nhưng khác hẳn với sơn-lan 山蘭 (*Bản-thảo cương-mục 本草綱目*).

Lan-thảo và trạch-lan thuộc cúc-khoa 菊科 (compositae), lan-hoa thuộc lan-khoa 蘭科 (orchidaceae) mà có chia ra thảo-lan 草蘭 và huệ-lan 蕙蘭 (*Từ-hải 辭海*).

VĂN-HÓA — SỐ 58

1

Lan-thảo (eupatorium chinensis) thường mọc ở vùng sơn-dã, lá có răng cưa, cuối thu nở hoa màu tím nhạt, cũng gọi là lan-trạch-thảo 蘭澤草, đò-lương-hương 都梁香, v.v... (Từ-hải).

Trạch-lan (arethusa japonica) thường mọc ở miền núi, chỗ đất ẩm, hoa màu hồng tím và nở về mùa hạ. (Nhật-bản Đại-học thực vật tiêu-phâm mục-lục 日本大學植物標品目錄).

Lan-hoa là giống mà Đào Ân-cur (Đào Tiềm 陶潛) gọi là yến-thảo 燕草, sách Độn-trai khốn lãm 遁齋困覽 cho là u-lan 幽蘭; giống này mọc nhiều ở rừng núi, cứ đến mùa xuân thì nở hoa, một cọng một hoa (thảo-lan) hoặc một cọng có nhiều hoa (huệ-lan), giống sản ở Phúc-kiến 福建 có tố-tâm-lan 素心蘭 là quý (Thực-vật danh thực đồ khảo 植物名實圖考). Lan tố-tâm mỗi cọng một hoa, mùi thơm kín đáo, thanh khiết, cánh hoa không có những chấm tím nhỏ cho nên gọi là tố-tâm (Từ-hải).

Sơn-lan (cymbidium virens) cũng có tên là thảo-lan, hoa màu vàng nhạt thường nở về mùa xuân, có hương thơm. Lại có một loại thảo-lan mọc nơi đất ẩm, hoa nở về mùa đông, rất thơm, màu hoa hoặc xanh lục, hoặc hồng tím vì thế nên còn có những tên thanh-hàn-lan 青寒蘭 và từ-hàn-lan 紫寒蘭 (Từ-hải). Cũng có một loại sơn-lan (eupatorium japonicum) thuộc cúc-khoa, mọc nơi sơn-dã, hình giống lan-thảo, nhưng lá giống lá đào, thường nở hoa trắng hoặc tím về mùa hạ và thu (Bản-thảo cương-mục và Từ-hải).

Kiến-lan 建蘭 (cymbidium ensifolium) là giống lan sản ở Phúc-kiến, hoa vàng nhạt pha tím thường nở về mùa hạ và thu, có hương thơm (Từ-hải).

Phong-lan 風蘭 (angraecum falcatum) thường mọc ở vùng nỗng-dja, ký-sinh vào những cây lớn trong rừng, hoa nở về mùa hạ, có mùi hương nhẹ-nhàng; giống này cũng có tên là càn-lan 乾蘭, tục gọi là điều-hoa 吊花, không cần đất cứng sống, cho nên người ta thường gỡ cả gốc rễ đem về treo trước hiên nhà (Từ-hải và Mãn tạp ký 閩雜記).

Trên đây tôi chỉ giới-thiệu cùng quý độc-giả một ít giống lan. Nếu chúng ta muốn tìm hiểu tất cả các giống lan và muốn biết nghệ-thuật trồng lan thì nên tham-khảo quyển Lan-phổ 蘭譜 của Vương Quý-Học 王貴學 đời Tống.



Trong các cổ-thư thường có nói đến hoa lan, hoặc đề ca tụng hương sắc của hoa ấy, hoặc đề ví với đức tốt của người quân-tử, hoặc đề thương xót cho một giống hoa cao quý mà phải lạc-loài chốn sơn-dã hoang-vu.

Chu Dịch 周易: «同心之言其臭如蘭 = Đồng tâm chi ngôn kỳ xú như lan = Lời nói của những người cùng một tâm-chí thơm như hương lan».

Gia-ngữ 家語: «與善人居如入芝蘭之室 = Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất = Ở với người lành như vào nhà có hương chi lan». «芝蘭生於深林, 不以無人而不芳; 君子修道立德, 不為困窮而改節 = Chi lan sinh ư thâm lâm, bất dĩ vô nhân nhi bất phương; quân-tử tu đạo lập đức, bất vị khốn cùng nhi cải tiết = Cỏ chi có lan mọc chốn rừng sâu, chẳng vì vắng người mà không thơm; bậc quân-tử tu đạo lập đức, chẳng vì khốn cùng mà thay đổi tiết-thảo».

Lễ ký 禮記: «婦人或賜之蘭則受而獻諸舅姑 = Phụ nhân hoặc tứ chi lan tắc thụ nhi hiến chư cữu cô = Người đàn-bà có chồng nếu được ai cho hoa lan thì nhận lấy mà đem dâng cho cha mẹ chồng».

Thi-kinh 詩經 và Sở-từ 楚辭 cũng có nói nhiều về hoa lan. Nhất là Sở-từ thường lấy cỏ thơm ví với đức tốt của bậc hiền-nhân, quân-tử, cho nên luôn luôn nhắc đến lan là một thứ hoa vừa có hương thơm vừa có tên đẹp. Tựu trung, có mấy câu sau đây chứa đựng nhiều «chất thơ» đáng cho ta ngâm đọc: «纫秋蘭以為佩 = Nhân thu-lan dĩ vi bội = Xâu hoa thu-lan mà đeo»; «沅有芷兮澧有蘭, 思君子兮未敢言 = Nguyên hữu chi hề Lễ hữu lan, tư quân-tử hề vị cảm ngôn = Bến sông Nguyên có cỏ chi chừ bến sông Lễ có cỏ lan, nhớ người quân-tử chừ chưa dám thờ-than»; «蘭芷變而不芳兮, 荃蕙化而為茅 = Lan chi biến nhi bất phương hề, thuyên huệ hóa nhi vi mao = Cỏ lan cỏ chi biến đổi mà chẳng thơm chừ, cỏ thuyên cỏ huệ hóa thành cỏ tranh».

Bài Thu-phong từ 秋風辭 của Hán Vũ đế 漢武帝 cũng lấy sắc đẹp hương thơm của lan và cúc ví với giai-nhân: «蘭有秀兮菊有芳, 懷佳人兮不能忘 = Lan hữu tú hề cúc hữu phương, hoài giai-nhân hề bất năng vương [vong] = Lan có chất đẹp chừ cúc có hương thơm, nhớ tưởng giai-nhân chừ không thể quên».



Dưới đây là những giai-thoại có tương-quan với hoa lan.

Cầm thảo 琴操 chép: Khúc *Y-lan-thảo* 猗蘭操 (cũng có tên *U-lan-thảo* 幽蘭操) do Khổng tử 孔子 đặt ra. Khổng tử đi khắp các nước chư-hầu, nhưng không được nước nào dùng, bèn từ nước Vệ 衛 trở về nước Lỗ 魯. Trên đường về, thấy hoa lan tươi tốt mọc chốn hang sâu, ngài chép miệng than rằng: « Ôi! hoa lan có mùi hương vương-giả, nay tươi tốt một mình ở chốn sơn-lâm, mọc xen lẫn với loài cỏ hoang hoa dại, chẳng khác nào bậc hiền-giả không gặp thời, đứng chung với hạng bi-phu! » Thế rồi ngài dừng xe lại, ôm đàn gảy một khúc, tự thương xót cho mình sinh chẳng gặp thời, mượn âm-nhạc và cỏ thơm để ký-thác tâm-sự.

Viết tuyệt thư 越絕書 chép: Việt-vương Câu-Tiến 越王句踐 trồng lan tại Chử-sơn 著山 (cũng có tên Lan-chử 蘭著 và Lan-thượng-lý 蘭上里, ở phía tây-nam huyện Thiệu-hưng 紹興 tỉnh Chiết-giang 浙江 ngày nay).— Nơi ấy có dựng đình gọi là Lan-đình 蘭亭. Đời Tấn Mục-đế 晉穆帝, ngày mồng 3 tháng 3 năm Vĩnh-hòa 永和 thứ 9 (353), Vương Hy-Chi 王羲之 cùng 41 người bạn thân (trong số ấy có Tôn Thống-Thừa 孫統承 và Công-tôn Xước 公孫綽) đến du-ng ngoạn Lan-đình, bảo nhạc-công tấu nhạc, rồi Hy-Chi dùng một thứ giấy quý và bút râu chuột (thủ tu bút 鼠鬚筆) viết nên bài *Lan-đình tập tự* 蘭亭集序, gồm có 28 hàng, 324 chữ, thư-pháp tuyệt đẹp.

Diễn lược 典略 chép: Tào Tháo 曹操 giết Dương Tu 楊修 và nói rằng: « Hoa lan thơm mọc ngay trước cửa, không thể không trừ đi ».

Thực chí 蜀志 chép: Thực Tiên-chủ 蜀先主 định giết Trương Dụ 張裕; Gia-cát Lượng 諸葛亮 muốn cứu Dụ; Tiên-chủ nói: « Hoa lan thơm mọc ở trước cửa, phải trừ nó đi ».

Lương thư 梁書 chép: Lương Vũ-đế 梁武帝 vừa bình-định Kiến-nghiệp 建業, triều-sĩ đều lạy mừng, duy có Tạ Lãm 謝覽 vái dài chứ không lạy, ý-khí nhân-nhã ung-dung. Vũ-đế nhìn Lãm hồi lâu rồi nói cùng Từ Miển 徐勉: « Ta thấy toàn thân của Tạ Lãm như hoa lan thơm ngát ».

Tùy di lục 隋遺錄 chép: Tùy Dượng-đế 隋煬帝 lúc ở Giang-đô 江都 thường mộng thấy cùng Trần Hậu-chủ 陳後主 yến hội, được xem nàng Trương Lệ-Hoa 張麗華 múa hát khúc *Ngọc thụ hậu đình hoa* 玉樹

後庭花. Hậu-chủ hỏi Dượng-đế về nhan-sắc của Tiêu-phi 蕭妃 và Lệ-Hoa; Dượng-đế đáp: « Hoa lan mùa xuân cũng như hoa cúc mùa thu, đều có một thời tươi đẹp ».

Cựu Đường thư 舊唐書 chép: Bùi Tử-Dư 裴子餘, Lý Triều-Ẩn 李朝隱 và Trình Hành-Thâm 程行誥 đều nổi tiếng về văn chương. Có người hỏi Trần Sùng-Nghiệp 陳崇業 rằng Bùi, Lý và Trình ai hơn ai kém. Sùng-Nghiệp đáp: « Xuân-lan thu-cúc đều đáng quý cả ».



Sách *Uyên giám loại hàm* 淵鑑類函 (hoa bộ 花部) có chép những bài thơ phú vịnh hoa lan của lịch đại thi-nhân như sau: *Lan thi* 蘭詩 của Lịch Viêm 鄒炎, *Vịnh thu-lan thi* 詠秋蘭詩 của Phó Huyền 傅玄, *Lan trạch đa phương thảo thi* 蘭澤多芳草詩 của Lương Hiếu-nguyên-đế 梁孝元帝, *Vịnh lan thi* 詠蘭詩 của Hậu-Lương Tuyên-đế 後梁宣帝, *Lan sinh dã kính thi* 蘭生野徑詩 của Trương Chính-Kiến 張正見, *Vịnh phương lan thi* 詠芳蘭詩 của Đường Thái tông 唐太宗, *Nghĩ Y-lan-thảo* 擬猗蘭操 của Hàn Dũ 韓愈, *Vịnh lan thi* 詠蘭詩 của Lý Kiệu 李峯, *Bi thu lan thi* 悲秋蘭詩 của Trương Cửu-Linh 張九齡, *Lan thi* 蘭詩 của Lý Bạch 李白, *Lan thi* 蘭詩 của sư Vô-khả 無可, *U lan thi* 幽蘭詩 của Thái Đồi 崔塗, *Thu lan thi* 秋蘭詩 của Chu Hy 朱熹, *Lan thi* 蘭詩 của Dương Vạn-Lý 楊萬里, *Lan hoa thiên* 蘭花篇 của Tống Liêm 宋濂, *Nghĩ Y-lan-thảo* 擬猗蘭操 của Minh Tuyên-tông 明宣宗, *Sơn lan phú* 山蘭賦 của Chu Hoảng-Nhượng 周弘讓, *U lan phú* 幽蘭賦 của Nhan Sư-Cồ 顏師古, *U lan phú* 幽蘭賦 của Dương Quynh 楊炯, v.v...

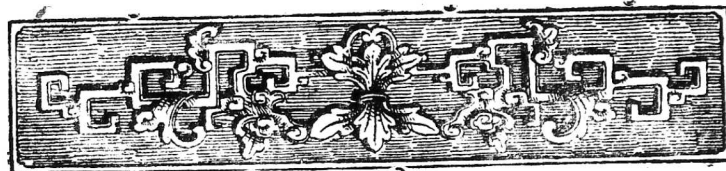
Phần nhiều những bài thơ phú kể trên, nếu không chịu ảnh hưởng bài *Y-lan-thảo* 猗蘭操 của Khổng-tử 孔子, thì cũng chịu ảnh-hưởng bài *Ly-tao* 離騷 của Khuất Nguyên 屈原: hoặc xót-thương tiếc-rẻ cho vương-giả-hương phải lạc loài nơi sơn-dã, chen lẫn với giống cỏ dại hoa hèn; hoặc lấy hoa lan để ví với đức tốt của bậc hiền-nhân, quân-tử.

Hầu hết các tao-nhân mặc-khách từ xưa đến nay đều có làm thơ

phú vịnh hoa lan, nhưng theo tôi thì chỉ có ba người biết được phẩm-giá của giống hoa cao-quý đó. Tôi muốn nói đến Không-tử, Khuất Nguyên và Lương Vũ đế. Ba vị ấy là một ông thánh, một thi-sĩ và một ông vua. Lúc Không-tử không còn là thượng-khanh nước Lỗ và « giặc mộng Chu-công » của ngài cũng không thành, Khuất Nguyên không còn là đại-phu nước Sở và ông đau khổ đến nỗi muốn theo gót Bành Hàm 彭咸 về nơi thủy quốc, lẽ tất nhiên, hai vị ấy đã nhìn hoa lan bằng cặp mắt của nghệ-sĩ và triết-gia. Đó cũng là chuyện thường tình của thế-sự. Đến như Lương Vũ-đế là một đấng chí-tôn, lại vừa bình định Kiến-nghiệp, triều-sĩ đều lay mừng, chỉ có Tạ Lãm vái chào chứ không lay, thế mà Vũ-đế chẳng tỏ vẻ bất-bình, lại còn khen toàn thân của Tạ Lãm chẳng khác gì hoa lan thơm ngát. Nếu Vũ-đế không quang-dại và không nhận-chân được phẩm-giá của loài vương-giá-hương thì làm sao có cái thái-dộ quân-tử như vậy.

Phòng sử biết tư-duy, hoa lan cũng không nên tự thương thân tui phận, là vì nếu có những Tào Mạnh-đức, Thục Tiên-chủ ghét bỏ hoa lan, thì còn có những Không Trọng-ni, Khuất Linh-quân, Lương Vũ-đế hiểu được giá-trị của hoa lan muôn thưở.

BỪU CẨM



NĂM SỬU NÓI CHUYỆN TRÂU

Duy-Việt NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

NĂM Canh-Tý đã qua, Năm Tân-Sửu tới. Nói đến năm Sửu thì ta cũng nên biết đến định-nghĩa của năm Sửu và những truyện về năm « Trâu » tức là điển-hình của tuổi Sửu, vì những người sinh về năm Sửu cảm tình con Trâu. Mà truyện Trâu thì cũng có nhiều, từ Á sang Âu đều có.

Sửu là vị thứ nhì trong 12 địa-chỉ mà Sửu thuộc về năm Can nghĩa là Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý.

Sách Trung-Hoa xưa chép rằng, « Địa tịch ư Sửu » nghĩa là đất mở về hội Sửu. Lại chép « Thương chính kiến Sửu » : Đời nhà Thương tháng giêng dựng về tháng Sửu.

Lịch-giờ nói rằng : « Sửu sinh tiểu-ngưu », nghĩa là Sửu sinh giống trâu.

Lễ-nghi chí biên : Tháng quý đông tức là tháng Sửu, dựng trâu đất sáu đầu, ở về hướng Sửu, ngoài thành ở Quốc-Đô, Quận, Huyện, để tống hàn-khí, nghĩa là tháng chạp kiến Sửu thuộc thổ, thổ hay khắc thủy cho nên làm thổ ngưu để tống hàn-khí đi.

Lễ-ký chép : Mùa xuân tới sớm hay muộn thì trong lịch hình người dặt trâu đứng ở trước hay sau con trâu. Lập xuân sớm thì người dặt trâu đứng trước, lập xuân muộn thì người dặt đứng sau trâu. Dặt trâu gọi là Mang thân.

Truyện gổ sùng trâu để hát mà được công-danh thì có Ninh-Thích người nước Vệ. Ninh-Thích làm mướn đẩy xe trâu, khi đến nước Tề cho trâu ăn cỏ dưới xe, chờ lúc Vua Tề Hoàng-Công đưa khách qua nước Đê, ông gổ sùng trâu mà hát rằng :

VĂN-HÓA - SỐ 58

Nam sơn ngọc Bạch thạch lang,
Trung hữu lý ngư trường xích bán.
Sinh bát phùng Nghiêu dũ Thuấn thiện,
Đoàn kê đơn y tài chí ngọc.
Tùng hôn phạn ngư chí dạ bán,
Trường dạ mang mang hà thời đán.

Tạm dịch

Núi nam lập đá trắng,
Trong có cá lý dài thước rươi.
Sinh chẳng gặp đời Nghiêu Thuấn truyền ngôi,
Áo vải lưng chừng lạnh ống chân.
Tối lẽ trâu ăn đến nửa đêm,
Đêm giải mờ mịt hồi nào sáng.

Vua Hoàng-Công nghe tiếng hát lấy làm lạ, bảo Quản-trọng rước Ninh-Thích về cho làm quan Đại-tư-Điền.

Thầy Mạnh-Tử nói rằng Vua Tuyên-Vương nước Tề một hôm ngồi trên thềm nhà, thấy một kẻ dắt trâu đi ngang qua thềm, vua bèn hỏi xem dắt trâu đi đâu? Kẻ ấy thưa: Dắt trâu đi giết lấy máu bôi lên chuông khi làm lễ Hấn-Chung.

Vua Tề nói: Ta không nỡ giết trâu là vật có ích mà lấy máu, rồi bắt thả trâu ra, thay thế bằng con dê.

Huyền-Trung Ký chép rằng: Nếu cây sống một ngàn năm thì sẽ hóa ra con trâu xanh. Khi vua Thủy-Hoàng chặt cây đại-thọ thì có con trâu xanh nhảy ra nhào xuống nước. Vì thế mà có tích « *Thọ hóa thành ngư* » (Cây hóa trâu xanh).

Xưa có bài thơ:

Đồ môn tuy dũ thế tương vị,
Vị hứa nhân trào tác kế phi.
Trường ngạnh vân biên khiên độc quá,
Biên châu nguyệt hạ tài lệ quy.

Tạm dịch

Đóng cửa mặc đầu trái với đời,
Nghề này chưa để ai cười.
Giây dài đất nhé (trâu nhỏ) bên mây bước,
Thuyền nhỏ chở cây dưới nguyệt bơi.

Sách Xuân-Thu chép: Hội-minh có tục cắt tiết trâu, lấy mâm đựng huyết để cho các nước chur hầu chấm máu bôi lên mép gọi là lễ sáp-huyết, còn vị chủ minh thì cầm tai trâu đứng chứng kiến (Chủ minh chấp ngư nhĩ).

Câu truyện quý con trâu một cách kỹ-dị thì có người Từ-Đồi là con thứ của vua Trang-Vương đời Chiến-Quốc. Ông có tánh quý loài trâu lắm. Yêu đến nỗi trong nhà nuôi tới 200 con, gọi là « Văn-Thú ». Hàng ngày ông đích thân cho ăn bằng ngũ-cốc, lại may áo gấm vóc thêu thùa cho trâu. Trâu ra vào có tới tở theo hầu. Sau có nạn binh đao, Từ-Đồi lo đuổi bầy trâu theo, khiến cho giặc tới mà không kịp trốn, giặc bắt được lấy trâu và giết Từ-Đồi.

Còn truyện « Cấm đuổi trâu » của vua đầu tiên của Việt-Nam là Đinh-Tiên-Hoàng tức Đinh-Bộ-Lĩnh nay còn truyền-tung. Chúng ta ai mà không nhớ sự tích vua Bộ-Lĩnh lúc hàn-vi ở Hoa-Lư-Động, huyện Gia-Viễn Ninh-Bình, phải chăn trâu. Bộ-Lĩnh thường chơi với trẻ chăn trâu khác, nhưng tính-khí kẻ cả ngay từ nhỏ, nên bắt chúng khoanh tay làm kiệu rước mình lại lấy bông lau làm cờ, bầy trận đánh nhau. Thậm-chí có lần bắt chước người lớn « *khao quân* » nên cùng trẻ mục-đồng giết trâu của chú, thui ăn với nhau, còn cái đuôi thì cắm vào lỗ nẻ. Đến khi chú ra tìm trâu, hỏi Bộ-Lĩnh trâu đâu, thì Bộ-Lĩnh trở vào cái đuôi mà nói:

« Con trâu đã chui vào lỗ nẻ kia kia rồi ! » Chú tưởng cháu nói thật, ra cầm đuôi kéo lên thì chỉ thấy cái đuôi thôi. Tức mình, chú đuổi Bộ-Lĩnh để đánh, Bộ-Lĩnh chạy đến khúc sông thì có con rồng nổi lên làm cầu cho Bộ-Lĩnh qua sông, khiến cho ông chú chết khiếp phải quý xuống lạy cháu, và về sau Bộ-Lĩnh đã vì truyện « *đuôi trâu* » và « *rồng cống* » mà trở nên Vua đầu tiên của giòng họ Đinh nước Việt-Nam.

oOo

Theo khoa-học, con trâu thuộc loài nhai lại, họ Bubalins, loại Bos, tên la-tanh là Bubalus.

Trên thế-giới có hai giống trâu :

1.— Trâu *Caffer* hay *Bubalus Caffer*, quê ở miền Nam Phi-Châu. Giống trâu này sinh trưởng tự do ở rừng núi, sừng bẹt, và rất dữ tợn.

2.— Trâu Á-Châu hay *Bubalus commun*, quê ở nhiều xứ. Tại Ấn-độ, trâu này ở tự do nơi rừng thưa. Tại các nước khác như Ba-Tur, Thổ-nhĩ-Kỳ, Hy-Lạp, Ai-Cập, Ý-đại-Lợi và miền Đông Nam Á-Châu giống trâu này được người ta nuôi để lấy thịt hay giúp việc đồng áng, chuyên vận.

Ở Ấn-độ còn có loại trâu sừng ngắn và cong tròn lại thuộc giống Ana, Zenda, Mania hay Murrah. Giống trâu Murrah mới đây được nhập-cảng vào Việt-Nam để nuôi lấy sữa, vì giống trâu cái Murrah Ấn-độ cho nhiều sữa hơn bò của Việt-Nam. Tại Delhi, Ấn-độ, một con trâu cái Murrah mỗi ngày có thể vắt cho từ 18 đến 24 lít sữa ; giống trâu ấy, nuôi tại Việt-Nam cho ta mỗi ngày từ 8 đến 10 lít sữa. Còn như giống bò cái của Việt-Nam chỉ có thể cho từ 1 đến 1 lít rưỡi sữa mà thôi. Khi xưa, hồi 1923, một điền-chủ miền Bắc là Marius Borel đã nhập-cảng giống trâu sữa Ấn-độ để nuôi và "sau cho lai với trâu của Việt-Nam, đã gây được một giống trâu rất khỏe nhưng cũng rất hung tợn.

Còn như tại Việt-Nam thì ta có hai thứ trâu : — Trâu vùng Cao-Nguyên, mình nhỏ, cử-động nhanh-nhẹn, thường nuôi để ăn thịt ; — Trâu miền đồng bằng, lớn hơn trâu núi, cử-động chậm-chạp, có con lông trắng, thích đầm mình dưới bùn sinh và rất khỏe, dùng kéo cày bừa ở ruộng lấy thật là tốt.

CON TRÁU ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN VIỆT-NAM

Tại Việt-Nam, con trâu, con bò là vốn liếng và là bạn quý của nông-dân. Thế cho nên trong đời người làm ruộng, con trâu, con bò là cả một vấn-đề then chốt; không có trâu, bò thì người nông-dân không thể khai-khăn ruộng nương được, trừ ra, ít lâu nay, máy móc đã thay thế cho trâu, bò và cánh tay người canh điền nhưng đó mới là một phần nhỏ mà thôi. Chính vì con trâu, con bò rất cần-thiết cho nhà nông chân lấm tay bùn, nên việc tìm kiếm trâu bò rất hệ-trọng đối với họ, thậm-chí họ đã so-sánh những việc khó khăn trong đời như làm nhà, cưới vợ.

Qua các câu ca - dao, tục - ngữ của người nông - dân nơi đồng ruộng, ta sẽ quan-niệm tới sự quan-trọng của con trâu hay con bò.

*Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà,
Trong ba việc ấy lọ là khó thay.*

Hay câu :

Con trâu là đầu cơ-nghiệp.

Tậu trâu dùng để cày ruộng thấp, phải chọn con nào còn non, khỏe, chớ mua con già :

Trâu quá sá (quá tuổi) mạ quá thì.

Ái cũng phải biết rằng con trâu thì quen làm lụng ở đất lầy có nước, chịu rét mướt nặng nhọc, con bò ưa làm lụng ở đất nhẹ, khô, và trâu thì khỏe hơn bò :

*Trâu năm sáu tuổi còn nhanh,
Bò năm sáu tuổi đã tranh cỡi già.
Đồng chiêm xin chớ nuôi bò,
Mùa đông tháng giá bò rồ làm sao ?*

Việc tậu trâu đã khó như vậy, cho nên người nhà quê rất chú trọng vào những người già cả đã có nhiều kinh-nghiệm để chọn con trâu nào cày bừa khỏe, con nào không tốt chỉ nên làm thịt.

Trước tiên là phải xem tuổi : từ 4 đến 8 tuổi là thời-kỳ trâu cường sức nhất và làm lụng khỏe dai hơn.

Rồi đến xem hình dáng, trâu chậm chạp thì đầu khô, mặt nặng. Mắt nhỏ nhìn không được xa, mắt sâu hoắm hay đau, mắt đỏ là dữ tợn, sừng phải đều gọi là cánh ná mới đẹp. Đã có câu tả con trâu xấu :

*Xa sừng, mắt lại nhỏ con,
Vụng đần, chậm đẹo ai còn nuôi chi ?*

Trâu mũi to, đen và ướt thì khỏe ; mồm rộng là khỏe ăn :

Mồm gầu dai, nhai hai gánh cỏ.

Như thế này cũng là trâu hay ăn, cày khỏe :

*Sừng cánh ná, dạ bình vôi, mắt ốc nhồi,
Mồm gầu dai, tai lá mít, đít lông bàn.*